

**CÔNG TY TNHH CTQ ENTERTAINMENT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CTQ ENTERTAINMENT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CTQ ENTERTAINMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTQ ENTERTAINMENT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110163374

**3. Ngày thành lập:** 27/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 10 ngõ 562/17 Đường Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 086 9156656

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá) | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                         | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                            | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                        | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                          | 4633     |
| 6.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                     | 4634     |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                      | 4641     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)                                            | 4649     |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                       | 4651     |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                        | 4652     |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                    | 4653     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                  | 4659     |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng, quặng uranium và thorium)                                    | 4662     |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                   | 4663     |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ các loại hàng hóa Nhà nước cấm)                                 | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, các buổi trình diễn ca nhạc, nghệ thuật, ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230(Chính) |
| 17. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>Chi tiết: Dạy nghệ thuật biểu diễn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8552        |
| 18. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8559        |
| 19. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các cuộc triển lãm dành cho công chúng; việc cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp.<br>- Hoạt động của các nhà sản xuất hoặc các nhà thầu về các sự kiện trình diễn nghệ thuật trực tiếp, có hoặc không có cơ sở.<br>- Tổ chức các buổi trình diễn ca nhạc trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác<br>(Trừ hoạt động của các nhà Báo) | 9000        |
| 20. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các sàn nhảy; hoạt động của các phòng hát karaoke)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9329        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ các loại dịch vụ Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9639        |
| 22. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6399        |
| 23. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư<br>(Trừ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, tài chính, tín dụng, chứng khoán, các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng)                                                                                                                                                                                                                                                          | 6619        |
| 24. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, tài chính, tín dụng, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7020        |
| 25. | Quảng cáo<br>(Trừ các hoạt động Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310        |

|     |                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                  | 7410 |
| 27. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                       | 7420 |
| 28. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại                                                                                              | 7490 |
| 29. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại hàng hóa Nhà nước cấm)                                                                                                                                                       | 4690 |
| 30. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                            | 4711 |
| 31. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                              | 4719 |
| 32. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                               | 4721 |
| 33. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4722 |
| 34. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                  | 4723 |
| 35. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                             | 4724 |
| 36. | In ấn                                                                                                                                                                                                           | 1811 |
| 37. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                 | 1812 |
| 38. | Sao chép bản ghi các loại<br>(loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                           | 1820 |
| 39. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ sản xuất phim, chương trình truyền hình bị nhà nước cấm)                                                                       | 5911 |
| 40. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                | 5912 |
| 41. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Trừ xuất bản âm nhạc)                                                                                                                                                  | 5920 |
| 42. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                  | 7730 |
| 43. | Cung ứng lao động tạm thời<br>(Không bao gồm cung ứng, môi giới lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động đi nước ngoài)                                                                    | 7820 |
| 44. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước<br>(Không bao gồm cung ứng, môi giới lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động đi nước ngoài) | 7830 |
| 45. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                         | 8110 |
| 46. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                           | 8211 |
| 47. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                        | 8219 |
| 48. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4741 |
| 49. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4742 |

|     |                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 50. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4752 |
| 51. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4753 |
| 52. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4759 |
| 53. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4761 |
| 54. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4762 |
| 55. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                             | 4763 |
| 56. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội) | 4764 |
| 57. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4771 |
| 58. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế)                                                                           | 4772 |
| 59. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Trừ bán lẻ tem và tiền kim khí, vàng, Trừ hoạt động của đấu giá viên)                      | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                                            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO THU HIỀN   | Việt Nam  | Khu Phố Soi, Xã Thục Luyện, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                                                                               | 918.000.000           | 51,000    | 025187005401                                                                                            |         |
| 2   | CHU THÚY QUỲNH | Việt Nam  | Phòng 306, G2, tập thể bóng đèn rạng đông, ngõ 328 đường Nguyễn Trãi, Tổ 26, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 882.000.000           | 49,000    | 001197013910                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 27/10/2022 đến ngày 26/11/2022

\* Họ và tên: ĐÀO THU HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/08/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025187005401

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khu Phố Soi, Xã Thục Luyện, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu Phố Soi, Xã Thục Luyện, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội